TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 / 2023 /LĐ-ST
Ngày : 24 - 7- 2023
"V/v Tranh chấp về đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ
2. Ông Danh Cư

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và ngày 24 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-LĐ ngày 10/02/2023 về việc "Tranh chấp về đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 và số 96/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tài Thị Kim N, sinh năm 1990
Địa chỉ: đường số xx, Thị trấn T, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh.
(có mặt)

2.Bị đơn: Công ty TNHH N
Địa chỉ trụ sở: Số x, khu dân cư B, Phường N, Quận T, TP.Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Văn N – Giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn P, sinh năm 1991; Địa chỉ: xy đường Đ, Phường M, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 07/3/2023). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 12 năm 2022, biên bản hòa giải ngày 07/3/2023 và ngày 23/5/2023 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tài Thị Kim N trình bày:

Vào ngày 16/03/2022 bà N có tham gia phỏng vấn trực tiếp tại Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N) và nhận được Thư mời nhận việc qua mail thời gian nhận việc là ngày 21/03/2022 với vị trí trúng tuyển là: Nhân viên Hành chính Nhân sự. Thời gian thử việc là 01 tháng. Mức lương thử việc là 85% lương chính thức. Lương chính thức là 8.500.000đ/tháng. Đến tháng 06/2022 ngoài lương, bà N được hưởng thêm phụ cấp cơm trưa 30.000đ/ngày. Tổng phụ cấp cơm trưa của bà N 26 ngày công là 780.000đ/tháng.

Kể từ ngày nhận việc đến thời điểm bà N nghỉ việc tại Công ty TNHH N là ngày 19/11/2022 bà N vẫn chưa được Công ty ký kết bất kỳ loại hợp đồng nào và cũng chưa được Công ty đóng Bảo hiểm xã hội. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chỉ hoàn thành thanh toán tiền lương của bà N đến hết tháng 10/2022 và bà N vẫn chưa nhận được 08 ngày phép năm tương ứng 08 tháng làm việc và tiền lương từ ngày 01/11/2022 đến hết ngày 19/11/2022 của bà N vẫn chưa được Công ty thanh toán, số tháng làm việc liên tục trong 08 tháng, trừ 01 tháng thử việc bà N vẫn chưa được đóng Bảo hiểm xã hội.

Giai đoạn bà N nghỉ việc là vào ngày 19/11/2022. Lý do Công ty đưa ra là: Vào ngày 14/11/2022 Công ty không hợp tác với bà N nữa. Khi nghỉ việc, bà N đã làm biên bản bàn giao công việc lại Công ty nhưng không ai đồng ý ký vào biên bản bàn giao, sau đó bà N để lại biên bản bàn giao lại Văn phòng công ty, sau đó cùng ngày bà N nghỉ việc anh Hùng, giám đốc điều hành đã nhắn tin cho bà N xác nhận rằng đã nhận được biên bản bàn giao của bà N. Mặc dù đây là giai đoạn cuối năm nhưng Công ty cắt giảm bà N nhanh chóng và bà N chưa có sự chuẩn bị trước. Hiện tại bà N đang mất việc làm và chưa nhận được đền bù thiệt hại nào từ phía Công ty.

Đến ngày 19/12/2022 là 30 ngày kể từ ngày nghỉ việc, sau nhiều lần bà N chủ động liên hệ Công ty thì bà N vẫn chưa nhận được phản hồi vì sao Công ty chưa hoàn thành thanh toán lương cho bà N.

* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Tiền lương còn lại từ ngày 01/11/2022 đến hết ngày 19/11/2022 (Áp dụng mức lương 8.500.000 đồng và phụ cấp cơm trưa 30.000đ/ngày). Tổng ngày công thực tế là 17/26 ngày công chuẩn: Tương ứng số tiền 6.067.692 đồng.

2/ Số ngày phép năm chưa sử dụng từ tháng 01/05/2022 đến tháng 11/2022 (Áp dụng mức lương 8.500.000đ): 07 ngày phép năm tương ứng 2.288.461 đồng.

3/ Và đền bù thiệt hại số tiền ứng số tháng Công ty không đóng BHXH: (Căn cứ theo bảng lương công ty hoặc mức lương tối thiểu vùng 4.680.000đ+ 7% quá đào tạo nhân 21.5% mức doanh nghiệp phải đóng và nhân số tháng chưa được đóng BHXH kể từ khi hết hạn thử việc và tiếp tục làm việc tại công ty đến khi nghỉ việc): ((4.680.000đx1.07)x21.5%)x7) = 7.536.438 đồng.

4/ Trợ cấp thôi việc: đền bù về việc Công ty buộc bà N ngừng việc vào giai đoạn cuối năm nhưng không đền bù thiệt hại chi phí trợ cấp thôi việc: Chi phí đền bù này theo luật định hoặc tương ứng 01 tháng lương là 8.500.000 đồng.

Tổng cộng số tiền yêu cầu đền bù: 24.392.591 đồng.

Tại buổi hòa giải ngày 23/5/2023, nguyên đơn bà Tài Thị Kim N xác nhận: Sau khi bà khởi kiện Công ty N thì Công ty đã chuyển trả cho bà tiền lương tháng 11 và 07 ngày phép năm. Hiện nay, còn 02 khoản mà Công ty N n chưa thanh toán cho bà N là:

+ Đền bù thiệt hại số tiền ứng số tháng công ty không đóng BHXH: (Căn cứ theo bảng lương công ty hoặc mức lương tối thiểu vùng 4.680.000đ+ 7% quá đào tạo nhân 21.5% mức doanh nghiệp phải đóng và nhân số tháng chưa được đóng BHXH kể từ khi hết hạn thử việc và tiếp tục làm việc tại công ty đến khi nghỉ việc): ((4.680.000đx1.07)x21.5%)x7) = 7.536.438 đồng.

+ Trợ cấp thôi việc: đền bù về việc công ty buộc bà N ngừng việc vào giai đoạn cuối năm nhưng không đền bù thiệt hại chi phí trợ cấp thôi việc: Chi phí đền bù này theo luật định hoặc tương ứng 01 tháng lương là 8.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền còn lại bà N yêu cầu Công ty N trả là: 16.036.438 đồng.

** Bị đơn Công ty TNHH N – có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn P trình bày:*

Công ty TNHH N phản bác lại yêu cầu của bà N như sau: Công ty N chưa bao giờ ký bất kỳ hợp đồng lao động nào liên quan đến thử việc, hoặc hợp đồng lao động với bà N. Vì trưởng phòng nhân sự trước đây Công ty N n tên là Mai Anh Tuấn có tuyển dụng bà Tài Thị Kim N vào Công ty không có đề xuất nào làm hợp đồng thử việc hoặc hợp đồng lao động cho bà Tài Thị Kim N.

Trong quá trình làm việc tại Công ty thì vẫn không nghe bà N nói về vấn đề hợp đồng lao động và phúc lợi cho bà mà vẫn tiếp tục ở lại Công ty làm việc, và dựa trên đó Công ty N n chỉ xem bà N đang học việc tại Công ty N và thỏa thuận mức thù lao qua trao đổi giữa hai bên.

Công ty N chưa có văn bản quyết định nào cho bà N thôi việc không lý do như đơn khởi kiện Công ty N . Chính bà N đã gửi đơn xin nghỉ việc đến Công ty N và Công ty N chưa có sự phản hồi với bà N nhưng bà N đã tự chủ động nghỉ việc rời Công ty và không bàn giao công việc lại cho bộ phận phụ trách chuyên môn.

Vì vậy, Công ty N phản bác lại, không đồng ý tất cả yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Bị đơn Công ty TNHH N – có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn P trình bày: Công ty không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tài Thị Kim N: Xét, theo Án lệ số 20/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 sau khi kết thúc thời gian thử việc, giữa bà N và Công ty N đã hình thành quan hệ hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng.

Tuy nhiên Công ty N không ký Hợp đồng lao động với người lao động là vi phạm nghĩa vụ của người sử dụng lao động tại Điều 27 Bộ luật Lao động. Mặt khác, do không ký kết hợp đồng lao động nên công ty không đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cũng như các chế độ khác về bảo hiểm cho người lao động theo quy định tại Điều 168 Bộ luật lao động và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội về trách nhiệm của người sử dụng lao động. Như vậy bà N không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội là lỗi của Công ty do đã không ký kết hợp đồng lao động, không đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Tuy nhiên, bà N đã nhận đủ tiền lương trong quá trình làm việc, Công ty không có trích hàng tháng từ tiền lương của người lao động một khoản để đóng bảo hiểm xã hội cho bà N theo quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật Bảo hiểm xã hội cũng như các khoản khác về bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, ...Phía bà N cũng không có ý kiến gì trong suốt quá trình làm việc tại công ty về vấn đề này. Căn cứ Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019 và các Điều 18, 19 và 21 của Luật Bảo hiểm xã hội, nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội là trách nhiệm chung của người sử dụng lao động và người lao động. Do đó Công ty TNHH N và bà N có trách nhiệm liên hệ với Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật cho bà N kể từ tháng 3/2022 đến tháng 11/2022. Còn đối với yêu cầu được bồi thường số tiền 7.536.438 đồng cho nguyên đơn Tài Thị Kim N là không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Lao động năm 2019, đối với trường hợp hợp đồng lao động 12 tháng thì người lao động phải báo trước cho người sử dụng lao động ít nhất 30 ngày. Ngày 15/11/2022, bà Tài Thị Kim N có đơn xin nghỉ việc gửi Công ty N và tự ý thôi việc bắt đầu từ ngày 19/11/2022, không bàn giao công việc cho Công ty. Mặt khác công ty cũng chưa ban hành quyết định cho bà N thôi việc. Như vậy căn cứ theo điều 39 Bộ luật lao động: Bà N đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và do đó hợp đồng lao động trong trường hợp này chấm dứt không theo quy định tại khoản nào của Điều 34 Bộ luật lao động. Mặt khác, bà N làm việc tại Công ty N từ ngày 21/3/2023- 19/11/2023 là chưa đủ từ 12 tháng trở lên. Do đó, nguyên đơn không đáp ứng được cả hai hai điều kiện để được hưởng trợ cấp thôi việc. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu này của bà Tài Thị Kim N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 của bà Tài Thị Kim N thì đây là Tranh chấp về đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp thôi việc; đã qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn Công ty TNHH N có địa chỉ trụ sở tại Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Lao động năm 2019; các Điều 32, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

[2].Về các yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Tài Thị Kim N yêu cầu Công ty TNHH N trả: Tiền lương còn lại từ ngày 01/11/2022 đến hết ngày 19/11/2022; Số ngày phép năm chưa sử dụng từ tháng 01/05/2022 đến tháng 11/2022; đền bù thiệt hại số tiền ứng số tháng Công ty không đóng Bảo hiểm xã hội là 7.536.438 đồng; yêu cầu đền bù thiệt hại chi phí trợ cấp thôi việc với số tiền tương ứng 01 tháng lương là 8.500.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2.1].Về xác định quan hệ lao động:

- Ngày 21/03/2022, bà Tài Thị Kim N làm việc tại Công ty TNHH N theo thư mời nhận việc qua mail: Địa điểm làm việc: Văn phòng Công ty. Thời gian nhận việc: 08h00 ngày 21/03/2022, với vị trí trúng tuyển là: Nhân viên Hành chính Nhân sự. Thời gian thử việc là 01 tháng. Lương chính thức là 8.500.000đ/tháng. Mức lương thử việc: 85% lương chính thức. Các chế độ khác theo quy định của Công ty.

Ngày 22/4/2022 (sau khi hết thời gian thử việc 01 tháng), bà N vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty và nhận đủ lương. Căn cứ vào Án lệ số 20/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Bà N đã hết thời gian thử việc 01 tháng, bà N vẫn tiếp tục làm việc mà giữa bà N và Công ty N không có thỏa thuận nào khác, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định giữa Công ty N và bà Tài Thị Kim N đã xác lập quan hệ hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng.

[2.2]. Sự kiện pháp lý làm phát sinh tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn xác nhận là Công ty N đã chuyển trả tiền lương tháng 11/2022 và 07 ngày phép năm, nguyên đơn bà N xác nhận đã nhận đầy đủ tiền lương nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền lương vì nguyên đơn đã nhận lương đầy đủ, chỉ giải quyết 02 khoản yêu cầu còn lại mà bà N yêu cầu là:

1/ Yêu cầu đền bù thiệt hại số tiền ứng số tháng Công ty không đóng Bảo hiểm xã hội là 7.536.438 đồng;

2/ Yêu cầu đền bù thiệt hại chi phí trợ cấp thôi việc với số tiền tương ứng 01 tháng lương là 8.500.000 đồng.

Tổng số tiền còn lại nguyên đơn bà Tài Thị Kim N yêu cầu Công ty N trả cho bà N là: 16.036.438 đồng.

Vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận: Ngày 21/03/2022 Nguyên đơn bà N đến làm việc tại Công ty N theo email mời làm việc. Ngày 15/11/2022 bà N có đơn xin nghỉ việc gửi Công ty N . Ngày 19/11/2022, bà N thôi việc, không đến Công ty N làm việc.

Bị đơn Công ty N trình bày: Bà N làm việc cho Công ty với vai trò là đang học việc nên không có ký hợp đồng lao động. Mức lương chính thức của bà N là 8.500.000đ/tháng là tính bao gồm cả phần đóng góp của người lao động cho bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Quá trình làm việc, bà N chưa hoàn thành công việc được giao. Ngày 15/11/2022 bà N có đơn xin nghỉ việc gửi Công ty N. Đơn xin nghỉ việc được trưởng phòng Hành chính nhân sự Mai Anh T xem ký tên mà chưa được lãnh đạo Giám đốc Công ty phê duyệt, sau đó bà N tự ý nghỉ việc mà chưa bàn giao công việc cho phía Công ty. Kể từ ngày nhận việc đến thời điểm bà N nghỉ việc ngày 18/11/2022, Công ty N n đã thanh toán tiền lương đầy đủ cho bà N và phía Công ty N cũng chưa ban hành bất kỳ Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nào ảnh hưởng tới bà N. Do vậy, phía bị đơn Công ty N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa, bị đơn Công ty N trình bày là sẽ hỗ trợ bà N xác nhận thời gian làm việc và mức lương tại Công ty, hỗ trợ bà N đến Bảo hiểm xã hội làm thủ tục đóng Bảo hiểm xã hội cho bà N. Tuy nhiên, bà N không đồng ý, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu Công ty N trả cho bà số tiền đền bù thiệt hại tương ứng với số tháng Công ty không đóng Bảo hiểm xã hội cho bà N là 7.536.438 đồng, bà N không đồng ý hỗ trợ thủ tục để bà N trực tiếp tham gia đóng Bảo hiểm xã hội tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Từ những phân tích trên, xét thấy, việc tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc là nghĩa vụ của cả hai bên khi xác lập quan hệ lao động, tuy nhiên phía bà N cũng không có ý kiến gì trong suốt quá trình làm việc tại công ty về vấn đề này. Căn cứ Điều 168 Bộ luật Lao động năm 2019; căn cứ các Điều 18, Điều 19 và Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội, nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội là trách nhiệm chung của người sử dụng lao động và người lao động. Tại phiên tòa, bà N không đồng ý Công ty hỗ trợ thủ tục để bà N trực tiếp tham gia đóng Bảo hiểm xã hội tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội, mà yêu cầu số tiền đền bù thiệt hại tương ứng với số tháng Công ty không đóng Bảo hiểm xã hội cho bà N để bà N thụ hưởng cho bản thân với số tiền là 7.536.438 đồng là chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty N hỗ trợ nguyên đơn làm thủ tục đóng Bảo hiểm xã hội.

Căn cứ Điều 2, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 85 và Điều 86 của Luật bảo hiểm xã hội: Bà Tài Thị Kim N và Công ty TNHH N có nghĩa vụ đóng tiền Bảo hiểm xã hội theo quy định trên mức lương 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ ngày 22/4/2022 đến ngày 19/11/2022.

Đối với yêu cầu đền bù thiệt hại chi phí trợ cấp thôi việc với số tiền tương ứng 01 tháng lương là 8.500.000 đồng: Do ngày 15/11/2022 nguyên đơn bà Tài Thị Kim N có đơn xin nghỉ việc gửi Công ty N và tự ý thôi việc, không bàn giao công việc cho Công ty. Phía Công ty N cũng đã thanh toán lương đầy đủ cho bà N và phía Công ty N cũng chưa ban hành bất kỳ Quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nào ảnh hưởng tới bà N. Do người lao động có đơn xin nghỉ việc, bà N đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật - vi phạm thời hạn báo trước 30 ngày đối với hợp đồng lao động có xác định thời hạn 12 tháng, thời gian làm việc của bà N chưa đủ 12 tháng để hưởng trợ cấp thôi việc theo quy định của pháp luật nên căn cứ quy định tại các Điều 3, Điều 5, Điều 13, Điều 14, Điều 20, Điều 21, Điều 34, Điều 35, Điều 40, Điều 46 của Bộ luật Lao động năm 2019 (có hiệu lực ngày 01/01/2021): Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tài Thị Kim N về việc buộc Công ty TNHH N đền bù thiệt hại chi phí trợ cấp thôi việc tương ứng với số tiền là 8.500.000 đồng là không có cơ sở, chưa phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về án phí lao động sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Nguyên đơn bà Tài Thị Kim N không phải chịu án phí lao động (Thông báo số 10/TB-TA ngày 18/01/2023 của Toà án nhân dân Quận 8 về việc miễn nộp tạm ứng án phí cho bà N).

+ Công ty N phải chịu án phí không có giá ngạch đối với khoản tiền phải đóng bảo hiểm xã hội là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 32, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 94, khoản 3 Điều 95, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 3, Điều 5, Điều 13, Điều 14, Điều 20, Điều 21, Điều 34, Điều 35, Điều 40, Điều 46, Điều 168, khoản 1 Điều 188 của Bộ luật Lao động năm 2019 (có hiệu lực ngày 01/01/2021);

- Căn cứ vào các Điều 2, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 85 và Điều 86 của Luật bảo hiểm xã hội;

- Căn cứ vào Án lệ số 20/2018/AL được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thông qua ngày 17/10/2018 và được công bố theo QĐ số 269/QĐ-CA ngày 06/11/2018 của Chánh án TAND tối cao;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền lương vì nguyên đơn đã nhận lương đầy đủ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tài Thị Kim N về việc buộc Công ty TNHH N đền bù thiệt hại số tiền ứng số tháng công ty không đóng bảo hiểm xã hội và đền bù thiệt hại chi phí trợ cấp thôi việc tương ứng với tổng số tiền là 16.036.438 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn Công ty N hỗ trợ nguyên đơn làm thủ tục đóng Bảo hiểm xã hội.

4. Bà Tài Thị Kim N và Công ty TNHH N có nghĩa vụ đóng tiền Bảo hiểm xã hội theo quy định trên mức lương 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng kể từ ngày 22/4/2022 đến ngày 19/11/2022.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thực hiện nghĩa vụ đóng tiền Bảo hiểm xã hội theo quy định thì ngoài số tiền chưa đóng, còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại thời điểm đóng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

5. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Tài Thị Kim N không phải chịu án phí lao động sơ thẩm. Bà N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí lao động.

Công ty TNHH N chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch đối với khoản tiền phải đóng bảo hiểm xã hội là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA Dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu Hiệp